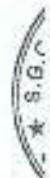


**Công ty Cổ phần Dinh dưỡng
Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	197/GP-KCN-ĐN	ngày 24 tháng 1 năm 2003
	197/GPĐC1-KCN-ĐN	ngày 21 tháng 5 năm 2005
	197/GPĐC2-KCN-ĐN	ngày 26 tháng 4 năm 2006
	197/GCNĐC3-KCN-ĐN	ngày 29 tháng 8 năm 2006

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 197/GCNĐC3-KCN-ĐN ngày 29 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số	472033000720	ngày 17 tháng 12 năm 2008
----------------------------------	--------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472033000720 ngày 6 tháng 8 năm 2014. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 47 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Ngọc Trai	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Dương Thanh	Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Yew Kean Lai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014) Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Phạm Trung Lâm	Phó Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Thân Trung Tín	Phó Chủ tịch (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)
	Ông Nguyễn Phúc Hào	Thành viên
	Ông Phan Hữu Giáo	Thành viên (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014)

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc	Ông Phạm Trung Lâm Ông Ernest Vijyakumar Richards	Tổng Giám đốc (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014) Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc Vận hành (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Ban Kiểm soát	Ông Lê Phạm Minh Đức Ông Cheong Yew Hoong Ông Nguyễn Duy Phương	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014) Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014) Thành viên (từ ngày 31 tháng 7 năm 2014)
Trụ sở đăng ký	Lô A4, Đường số 2 Khu Công nghiệp Sông Mây Huyện Trảng Bom Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Ban Giám đốc

Ông Trần Trung Lâm
Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 31 trong báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm 2014, một số sai sót kế toán đã được phát hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đã được điều chỉnh hồi tố. Ban Giám đốc đã quyết định sửa chữa các sai sót này bằng cách điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ và các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh này và thấy rằng các điều chỉnh là phù hợp và được thực hiện đúng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2014.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Đón 100027
Số chứng nhận kiểm toán số: 14-01-795



Chang Huijun Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/TIN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.433.177.485.830	2.069.953.176.014
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	579.337.256.852	917.096.670.635
Tiền	111		166.437.256.852	33.596.670.635
Các khoản tương đương tiền	112		412.900.000.000	883.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	848.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	271.866.959.565	469.905.558.824
Phải thu khách hàng	131		156.200.515.835	300.410.887.724
Trả trước cho người bán	132		99.667.696.395	35.862.513.097
Các khoản phải thu khác	135		16.855.681.186	134.489.091.854
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(856.933.851)	(856.933.851)
Hàng tồn kho	140	7	709.309.475.499	665.137.083.957
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.663.793.914	17.813.862.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.818.700.938	5.159.002.851
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.355.025.736	349.785.830
Thuế phải thu Nhà nước	154		673.509.461	114.162.372
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.816.557.779	12.190.911.545
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		392.226.074.663	285.635.966.072
Tài sản cố định	220		279.591.032.216	242.899.279.716
Tài sản cố định hữu hình	221	8	241.132.473.563	242.817.506.991
Nguyên giá	222		383.308.220.966	360.761.431.068
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(142.175.747.403)	(117.943.924.077)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	38.458.558.653	81.772.725
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	4.000.000.000	9.140.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		4.000.000.000	9.140.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		108.635.042.447	33.596.686.356
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	74.425.607.480	9.938.040.982
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	34.209.434.967	23.658.645.374
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.825.403.560.493	2.355.589.142.086

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		767.798.129.619	830.188.597.622
Nợ ngắn hạn	310		702.103.899.692	778.210.952.699
Phải trả người bán	312		309.687.454.983	213.287.999.658
Người mua trả tiền trước	313		5.392.835.253	5.666.893.747
Thuế phải nộp Nhà nước	314	13	47.820.618.423	68.956.734.124
Phải trả người lao động	315		27.661.729.872	26.104.400.913
Chi phí phải trả	316	14	308.578.167.456	298.373.487.827
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.955.978.999	165.814.321.724
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.114.706	7.114.706
Nợ dài hạn	330		65.694.229.927	51.977.644.923
Phải trả dài hạn khác	333	16	65.694.229.927	51.977.644.923
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.057.605.430.874	1.525.400.544.464
Vốn chủ sở hữu	410	17	2.057.605.430.874	1.525.400.544.464
Vốn cổ phần	411	18	200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		944.868.793	944.868.793
Quỹ dự phòng tài chính	418		944.868.793	944.868.793
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.855.715.693.288	1.323.510.806.878
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.825.403.560.493	2.355.589.142.086


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")	273.819	319.908

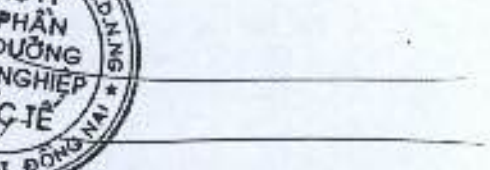
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:

 Trần Việt Hà
 Kế toán trưởng


 Bùi Sỹ Nguyên
 Giám đốc Tài chính




 Phạm Trung Lâm
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	19	5.388.871.786.247	6.333.386.302.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	470.880.523.970	423.463.063.915
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	4.917.991.262.277	5.909.923.238.442
Giá vốn hàng bán	11		4.138.735.383.086	5.020.214.783.828
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		779.255.879.191	889.708.454.614
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	67.071.779.815	25.663.085.424
Chi phí tài chính	22		128.089.982	-
Chi phí bán hàng	24	21	163.348.366.760	141.092.053.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	121.308.375.275	66.563.408.535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		561.542.826.989	707.716.078.359
Thu nhập khác	31	23	109.353.590.303	2.657.843.056
Chi phí khác	32	24	45.322.898.758	4.522.575.197
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		64.030.691.545	(1.864.732.141)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		625.573.518.534	705.851.346.218
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	103.919.421.717	121.263.176.779
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	25	(10.550.789.593)	(23.559.988.252)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		532.204.886.410	608.148.157.691
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	26.610	30.407

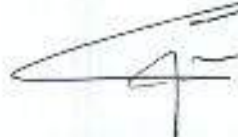
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng

Người



Bùi Sỹ Nguyên
Giám đốc Tài chính



Phạm Văn Lâm
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		625.573.518.534	705.851.346.218
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		30.854.458.365	29.813.599.852
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(67.981.494.101)	(25.501.636.607)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		588.446.482.798	710.163.309.463
Biến động các khoản phải thu	09		87.537.190.214	78.482.514.237
Biến động hàng tồn kho	10		(44.135.409.414)	124.155.790.974
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		116.020.862.844	(78.732.754.094)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.239.916.254)	18.091.639.330
			746.629.210.188	852.160.499.910
Thuế thu nhập đã nộp	14		(117.980.169.710)	(71.976.362.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		628.649.040.478	780.184.137.685
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(14.613.382.866)	(10.881.991.578)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.488.236.545	139.090.910
Tiền chi vào đầu tư ngắn hạn thuần	23		(848.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho các công ty khác vay	24		5.140.000.000	40.020.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty khác	25		-	(4.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		51.927.274.914	25.663.085.424
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(802.057.871.407)	50.940.184.756

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(164.350.582.854)	(198.999.999.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(164.350.582.854)	(198.999.999.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(337.759.413.783)	632.124.322.693
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		917.096.670.635	284.972.347.942
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	579.337.256.852	917.096.670.635

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng

Người đại diện



Bùi Sỹ Nguyên
Giám đốc Tài chính

Trần Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) đặt tại Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Máy, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Công ty được phép thành lập Chi nhánh tại tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 06212000062 ngày 18 tháng 1 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp (“Chi nhánh”).

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Tập đoàn và Công ty là chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

Cơ cấu của Tập đoàn tại ngày báo cáo như sau:

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Vốn điều lệ triệu VND	Hoạt động chính	Vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	
				31/12/2014	31/12/2013
<i>Công ty con</i> Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế (“ANI Vĩnh Long”)	26/5/2006	96.000	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, thủy sản, gia cầm; chế biến tôm cá, mực; sản xuất, chế biến, kinh doanh khoai mì, bột mì, bắp, tấm, gạo, thực phẩm, ngũ cốc và bột ngũ cốc.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (“ANCO Bình Định”) (*)	24/4/2012	37.800	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (“ANCO Thái Nguyên”) (*)	27/4/2012	25.830	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (“ANCO Tiền Giang”) (*)	22/4/2013	22.302	sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc và gia cầm.	100%	0%

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

(*) Ngày 10 tháng 8 năm 2014, Tổng Giám đốc Công ty đã thông qua việc góp vốn vào các công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định và Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang theo giấy mời của Ông Yew Kean Lai, một cổ đông sáng lập của các công ty này. Theo đó, các cổ đông sáng lập của các công ty này đã không góp vốn điều lệ trong thời gian theo quy định của Luật doanh nghiệp và sau khi thực hiện góp vốn vào các công ty này, Công ty sẽ trở thành cổ đông sáng lập của các công ty này. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của các công ty này kể từ ngày thành lập cho đến ngày ra quyết định này được tài trợ chủ yếu bằng các khoản vay với Công ty.

Các Giấy chứng nhận đầu tư số 172043000043 ngày 5 tháng 11 năm 2014 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên cấp, Giấy chứng nhận đầu tư số 352043000145 ngày 13 tháng 11 năm 2014 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp, Giấy chứng nhận đầu tư số 532043000051 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang cấp đã ghi nhận Công ty là cổ đông sáng lập và sở hữu 100% của các công ty này. Các công ty này cũng chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Giám đốc Công ty cũng đã thông qua việc chuyển đổi các khoản vay thành vốn góp vào các công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 837 nhân viên (31/12/2013: 627 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trung báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(iii) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/TIN

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá.

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IIN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 20 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 - 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 - 10 năm |
| ▪ đồ đạc và trang bị văn phòng | 3 - 10 năm |

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 45 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(n) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	181.919.900	33.948.220
Tiền gửi ngân hàng	165.561.336.952	32.991.320.753
Tiền đang chuyển	694.000.000	571.401.662
Các khoản tương đương tiền	412.900.000.000	883.500.000.000
	579.337.256.852	917.096.670.635

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 5,1% đến 6% trong năm.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu thương mại từ một công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế	-	39.655.970.752
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan		
ANCO Thái Nguyên	-	75.959.716.900
ANCO Bình Định	-	18.054.558.177
ANCO Tiền Giang	-	28.475.750.820
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế	-	6.649.355.932
Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO	-	4.666.000.000

Các khoản phải thu phi thương mại phản ánh các khoản cho các công ty liên quan vay. Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Cho các bên liên quan vay	-	133.805.381.829
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	15.603.764.013	-
Lãi cho vay phải thu	-	471.612.500
Phải thu khác	1.251.917.173	212.097.525
	<hr/> 16.855.681.186	<hr/> 134.489.091.854

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi đường	258.405.480.822	167.244.692.461
Nguyên vật liệu	365.924.224.165	434.507.672.289
Công cụ và dụng cụ	18.084.441.356	18.432.598.290
Thành phẩm	66.657.324.946	44.714.487.040
Hàng hóa	238.004.210	237.633.877
	<hr/> 709.309.475.499	<hr/> 665.137.083.957

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	157.460.216.905	154.750.313.165	45.838.664.692	2.712.236.306	360.761.431.068
Tăng trong năm	-	2.529.536.000	10.221.552.727	111.004.000	12.862.092.727
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.959.965.909	13.211.106.391	752.374.545	325.500.000	17.248.946.845
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	520.000.000	83.000.000	1.058.536.364	-	1.661.536.364
Thanh lý	-	(7.097.006.200)	(2.051.379.383)	-	(9.148.385.583)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(56.540.000)	-	(20.860.455)	(77.400.455)
Số dư cuối năm	160.940.182.814	163.420.409.356	55.819.748.945	3.127.879.851	383.308.220.966
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	42.662.555.533	52.902.162.858	20.251.202.149	2.128.003.537	117.943.924.077
Khấu hao trong năm	9.652.799.986	14.665.954.142	6.258.362.805	277.341.432	30.854.458.365
Thanh lý	-	(4.547.780.093)	(2.034.436.619)	-	(6.582.216.712)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(38.041.000)	-	(2.377.327)	(40.418.327)
Số dư cuối năm	52.315.355.519	62.982.295.907	24.475.128.335	2.402.967.642	142.175.747.403
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	114.797.661.372	101.848.150.307	25.587.462.543	584.232.769	242.817.506.991
Số dư cuối năm	108.624.827.295	100.438.113.449	31.344.620.610	724.912.209	241.132.473.563

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 21.030 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 20.715 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	81.772.725	24.112.344.507
Tăng do hợp nhất kinh doanh	38.287.032.153	-
Tăng trong năm	1.751.290.139	3.080.867.204
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.661.536.364)	(27.111.438.986)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	38.458.558.653	81.772.725

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án tại:		
• ANCO Thái Nguyên	35.289.522.613	-
• ANCO Bình Định	250.000.000	-
• ANCO Tiền Giang	2.747.509.540	-
• Khác	171.526.500	81.772.725
	<hr/>	<hr/>
	38.458.558.653	81.772.725

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vốn dài hạn vào:		
• Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO (a)	4.000.000.000	4.000.000.000
Cho vay dài hạn:		
• Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO (b)	-	5.140.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.000.000.000	9.140.000.000

- (a) Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 501032000196 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An cấp ngày 11 tháng 8 năm 2010. Hoạt động chính của công ty là chế biến và đóng hộp thịt; hải sản và các sản phẩm liên quan; chế biến hải sản đông lạnh và hải sản khô. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, Tập đoàn đang nắm giữ 400.000 cổ phiếu phổ thông, tương đương với 10% vốn cổ phần và quyền biểu quyết trong công ty này.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (b) Cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO vay dài hạn thể hiện khoản vay theo hợp đồng vay số 01/AF-DN ngày 31 tháng 12 năm 2011, theo đó, Tập đoàn đồng ý cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Gia đình ANCO vay tiền theo nhu cầu bổ sung tiền mặt hàng tháng. Số tiền vay được xác định dựa trên số dư công nợ được đối chiếu và xác nhận giữa hai bên. Khoản vay hưởng lãi suất năm là 9% trong năm (2013: 9%).

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.120.096.494	5.712.168.443	105.776.045	9.938.040.982
Tăng do hợp nhất kinh doanh	62.873.968.886	-	2.033.379.445	64.907.348.331
Tăng trong năm	-	5.187.954.252	2.003.632.000	7.191.586.252
Phân bổ trong năm	(1.568.764.148)	(5.618.723.437)	(423.880.500)	(7.611.368.085)
Số dư cuối năm	65.425.301.232	5.281.399.258	3.718.906.990	74.425.607.480

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	293.579.868	30.449.526
Chi phí phải trả	23.234.273.355	18.040.168.529
Phải trả dài hạn khác	10.681.581.744	5.588.027.319
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.209.434.967	23.658.645.374

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Thuế giá trị gia tăng	6.357.086.496	3.525.119.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.804.414.084	62.526.002.453
Thuế thu nhập cá nhân	2.658.757.843	2.035.916.087
Phải nộp khác	360.000	869.696.238
	<hr/> 47.820.618.423	<hr/> 68.956.734.124 <hr/>

14. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí chiết khấu thương mại	166.680.007.516	165.417.201.941
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	927.346.240	1.477.830.397
Chi phí khác	140.970.813.700	131.478.455.489
	<hr/> 308.578.167.456	<hr/> 298.373.487.827 <hr/>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ tức phải trả	-	164.350.582.854
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	242.039.776	695.650.000
Khác	2.713.939.223	768.088.870
	<hr/> 2.955.978.999	<hr/> 165.814.321.724 <hr/>

16. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản chiết khấu thương mại trích trước và phải hoàn trả trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

1. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã báo cáo trước đây</i>	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.201.617.390.845	1.403.507.128.431
<i>Sửa chữa sai sót</i>	-	-	-	(130.496.595.266)	(130.496.595.266)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 – đã điều chỉnh lại	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.071.120.795.579	1.273.010.533.165
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại</i>	-	-	-	608.148.157.691	608.148.157.691
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	623.374.391.218	623.374.391.218
<i>Sửa chữa sai sót</i>	-	-	-	(15.226.233.527)	(15.226.233.527)
Cổ tức Tặng khác	-	-	-	(360.000.000.000)	(360.000.000.000)
	-	-	-	4.241.853.608	4.241.853.608
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 – đã điều chỉnh lại	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.323.510.806.878	1.525.400.544.464
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i>	-	-	-	532.204.886.410	532.204.886.410
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	200.000.000.000	944.868.793	944.868.793	1.855.715.693.288	2.057.605.430.874

Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	% sở hữu	Số cổ phiếu	% sở hữu	Số cổ phiếu
Công ty TNHH Sam Kim	70%	14.000.000	-	-
Ông Yew Kean Lai	27,5%	5.500.000	35%	7.000.000
Ông Lee Meng Hong	2,5%	500.000	5%	1.000.000
Ông Thân Trung Tín	-	-	26%	5.200.000
Bà Tan Kim Keow	-	-	20%	4.000.000
Ông Lê Văn Hiếu	-	-	14%	2.800.000
	100%	20.000.000	100%	20.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	5.388.871.786.247	6.333.386.302.357
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	466.636.591.554	417.591.430.437
▪ Giảm giá hàng bán	-	2.137.444.702
▪ Hàng bán bị trả lại	4.243.932.416	3.734.188.776
	470.880.523.970	423.463.063.915
	4.917.991.262.277	5.909.923.238.442

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	67.059.426.427	25.663.085.424
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.353.388	-
	67.071.779.815	25.663.085.424

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Chi phí bán hàng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	88.691.034.935	82.232.503.866
Chi phí vật liệu	3.733.527.057	3.997.812.315
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	2.261.398.635	1.380.267.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.639.841.024	2.499.353.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.591.575.129	18.962.260.399
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	31.229.907.524	21.209.927.119
Chi phí khác	16.201.082.456	10.809.928.090
	<hr/>	<hr/>
	163.348.366.760	141.092.053.144

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên	44.688.866.459	40.951.001.778
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.090.966.029	584.800.795
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.545.614.167	2.622.440.259
Chi phí thuê và phí, lệ phí	181.829.260	684.659.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.794.089.984	13.829.206.648
Chi phí khác	13.007.009.376	7.891.299.397
	<hr/>	<hr/>
	121.308.375.275	66.563.408.535

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	3.488.236.545	139.090.910
Tiền bồi thường nhận được	99.423.701.084	383.009.478
Thu nhập khác	6.441.652.674	2.135.742.668
	<hr/>	<hr/>
	109.353.590.303	2.657.843.056

24. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.566.168.871	300.539.727
Chi phí nộp phạt	34.272.764.530	2.421.916.412
Chi phí tài trợ và từ thiện	6.030.826.000	-
Chi phí khác	2.453.139.357	1.800.119.058
	<hr/>	<hr/>
	45.322.898.758	4.522.575.197

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	91.443.777.887	82.408.747.404
Thuế nộp bổ sung cho các năm trước	12.475.643.830	38.854.429.375
	103.919.421.717	121.263.176.779
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(10.550.789.593)	(23.559.988.252)
	93.368.632.124	97.703.188.527

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận trước thuế	625.573.518.534	705.851.346.218
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	93.836.027.780	105.877.701.933
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn áp dụng cho các công ty con	13.859.352.842	11.124.541.959
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn áp dụng cho các hoạt động khác	27.369.160.627	11.938.331.240
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	242.923.926	(21.813.362.526)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.270.649.897	980.599.600
Thu nhập không tính thuế	(14.687.627.864)	-
Ưu đãi thuế	(46.997.498.914)	(49.259.053.054)
Thuế nộp bổ sung cho các năm trước	12.475.643.830	38.854.429.375
	93.368.632.124	97.703.188.527

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong toàn bộ thời gian dự án đối với phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh chế biến thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Trụ sở chính được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013). Tuy nhiên, thuế suất ưu đãi này không áp dụng đối với phần thu nhập tăng thêm do tăng vốn đầu tư từ 6.761.736 USD lên 11.771.630 USD và tăng quy mô sản xuất từ 137.056 tấn/năm lên 500.000 tấn/năm, thu nhập từ kinh doanh chế biến thức ăn gia cầm và các khoản thu nhập khác, các thu nhập này chịu thuế suất 22%.

Chi nhánh Hà Nam

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

ANI Vĩnh Long

Theo các quy định hiện hành về thuế, ANI Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2016) và 25% cho các năm tiếp theo. ANI Vĩnh Long cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2009) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

ANCO Thái Nguyên

Theo Công văn số 218/CV-BQL ngày 9 tháng 5 năm 2012 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và theo các quy định hiện hành về thuế, ANCO Thái Nguyên có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và 25% cho các năm tiếp theo. Theo Công văn này, ANCO Thái Nguyên cũng được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các hoạt động không được hưởng ưu đãi, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

ANCO Tiền Giang

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Tiền Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế và 25% cho các năm tiếp theo. Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Tiền Giang cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các hoạt động không được hưởng ưu đãi, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22%.

ANCO Bình Định

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ANCO Bình Định có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Giấy chứng nhận đầu tư cũng cho phép ANCO Bình Định cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các hoạt động không được hưởng ưu đãi, các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 532.204.886.410 VND (2013: 608.148.157.691 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 20.000.000 cổ phiếu (2013: 20.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm và lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	532.204.886.410	608.148.157.691

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014 Số cổ phiếu	2013 Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	20.000.000	20.000.000

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn của Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	165.561.336.952	32.991.320.753
Tiền đang chuyển	(ii)	694.000.000	571.401.662
Các khoản tương đương tiền	(ii)	412.900.000.000	883.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(ii)	848.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	(iii)	155.343.581.984	299.553.953.873
Phải thu khác	(iii)	16.855.681.186	134.489.091.854
Cho vay dài hạn		-	5.140.000.000
		1.599.354.600.122	1.356.245.768.142

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này bao gồm hạn mức cứng từ 10 triệu VND đến 40 triệu VND và hạn mức mềm được tính tương đương 30% đến 40% doanh số mua hàng của tháng liền trước. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn mức này được yêu cầu phải thanh toán số dư này hoặc được sự bảo lãnh của Quản lý bán hàng vùng trong hạn mức bảo lãnh của họ trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm. Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo từ các khách hàng là giấy chứng nhận chủ quyền nhà, đất hoặc xe có giá trị để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của một số khách hàng.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa vượt quá hạn mức tín dụng hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các khách hàng có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tại thời điểm cuối năm có 3.010.541.807 VND phải thu khách hàng đã vượt quá hạn mức tín dụng nhưng không giảm giá (31/12/2013: 2.299.247.676 VND).

Không có biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, khoản dự phòng phải thu khó đòi trị giá 857 triệu VND liên quan đến một khách hàng đã ngưng hoạt động từ năm 2007.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán	309.687.454.983	309.687.454.983	309.687.454.983	-
Phải trả người lao động	27.661.729.872	27.661.729.872	27.661.729.872	-
Chi phí phải trả	168.420.731.814	168.420.731.814	168.420.731.814	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.955.978.999	2.955.978.999	2.955.978.999	-
Phải trả dài hạn khác	65.694.229.927	65.694.229.927	-	65.694.229.927
	574.420.125.595	574.420.125.595	508.725.895.668	65.694.229.927

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Phải trả người bán	213.287.999.658	213.287.999.658	213.287.999.658	-
Phải trả người lao động	26.104.400.913	26.104.400.913	26.104.400.913	-
Chi phí phải trả	167.876.892.561	167.876.892.561	167.876.892.561	-
Phải trả ngắn hạn khác	165.814.321.724	165.814.321.724	165.814.321.724	-
Phải trả dài hạn khác	51.977.644.923	51.977.644.923	-	51.977.644.923
	625.061.259.779	625.061.259.779	573.083.614.856	51.977.644.923

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền	273.819	319.908
Phải trả người bán	(5.830.816)	(2.838.904)
	<hr/>	<hr/>
	(5.556.997)	(2.518.996)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.380	21.080

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.029.686.117)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1%)	(462.179.478)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	412.900.000.000	883.500.000.000
Các đầu tư tài chính ngắn hạn	848.000.000.000	-
Cho vay dài hạn	-	5.140.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.260.900.000.000	888.640.000.000
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	165.561.336.952	32.991.320.753
	<hr/>	<hr/>

Ảnh hưởng của thay đổi lãi suất thị trường lên lợi nhuận thuần của Tập đoàn là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	579.337.256.852	917.096.670.635
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	848.000.000.000	-
- Phải thu khách hàng	155.343.581.984	299.553.953.873
- Các khoản phải thu khác	16.855.681.186	134.489.091.854
- Cho vay dài hạn	-	5.140.000.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán	(309.687.454.983)	(213.287.999.658)
- Phải trả người lao động	(27.661.729.872)	(26.104.400.913)
- Chi phí phải trả	(168.420.731.814)	(167.876.892.561)
- Phải trả ngắn hạn khác	(2.955.978.999)	(165.814.321.724)
- Phải trả dài hạn khác	(65.694.229.927)	(51.977.644.923)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
<i>Cổ đông</i>		
Ông Thân Trung Tín		
Cho mượn tiền	-	142.237.000
Thu tiền mượn	-	1.529.657.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế		
Bán thành phẩm	-	220.927.784.574
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (*)		
Cho vay	1.984.000.000	7.225.514.627
Công ty TNHH MTV Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang (*)		
Cho vay	566.164.085	28.396.790.320
Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên (*)		
Cho vay	6.225.000.000	42.000.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	18.629.605.477	5.304.009.271
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.740.000.000	-

(*) Giao dịch với các công ty này cho năm 2014 được trình bày cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày các công ty này trở thành công ty con của Tập đoàn. Giao dịch từ ngày các công ty này trở thành công ty con trong Tập đoàn đã được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/TIN

29. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trung vòng một năm	4.536.660.105	4.235.226.978
Trong vòng hai đến năm năm	15.655.307.913	15.823.307.913
Sau năm năm	117.155.336.501	121.069.163.480
	<hr/>	<hr/>
	137.347.304.519	141.127.698.371

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.011.103.284.708	4.956.036.991.971
Chi phí nhân công	181.460.012.541	169.111.139.044
Chi phí khấu hao	30.854.458.365	29.813.599.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.839.337.973	116.190.394.811
Chi phí khác	51.592.167.954	59.324.673.094
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã phát hiện một số sai sót kế toán liên quan đến việc ghi nhận các khoản mục trả trước cho người bán, hàng tồn kho, tài sản thuế thu nhập hoãn lại, phải trả người bán, thuế phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả, lợi nhuận chưa phân phối, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong các báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước. Để điều chỉnh các sai sót này, các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được điều chỉnh lại. Thêm vào đó, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh và phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2013 VND (điều chỉnh lại)	31/12/2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán	35.862.513.097	108.872.702.967
Các khoản phải thu khác	134.489.091.854	123.173.735.922
Hàng tồn kho	665.137.083.957	507.853.366.696
Tài sản ngắn hạn khác	12.190.911.545	23.506.267.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.658.645.374	30.449.526
Phải trả người bán	213.287.999.658	129.014.472.267
Thuế phải nộp Nhà nước	68.956.734.124	30.102.304.749
Chi phí phải trả	298.373.487.827	219.854.537.484
Phải trả dài hạn khác	51.977.644.923	-
Lợi nhuận chưa phân phối	1.323.510.806.878	1.469.233.635.671

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND (điều chỉnh lại)	2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	121.263.176.779	82.408.747.404
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(23.559.988.252)	68.207.596

Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IIN

32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm

Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty công bố một khoản cổ tức là 230 tỷ VND. Số tiền phải trả chưa được trích trước trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Trần Việt Hà
Kế toán trưởng


Bùi Sỹ Nguyên
Giám đốc Tài chính

Trần Trung Lâm
Tổng Giám đốc

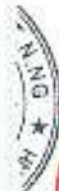
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 3 4 9 4 9

Ngày: 02-12-2016

Quyển số: 12 -SCT/BS

Công Chứng Bình Thạnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lã Phi Thành

Faint header text at the top of the page.

Faint text block in the upper middle section.

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.

010-51-50

Faint text block in the middle section.

Faint text block in the middle section.



Faint text block in the lower middle section.

Faint text block in the lower middle section.

Faint text block in the lower middle section.

Faint text block in the lower middle section.